TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HSST
Ngày 21 tháng 02 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dềnh Bá Lồng;
Ông Lầu Bá Dìa.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Anh Tuấn-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **Lương Văn B**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/5/1985 tại xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản X, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xén K (đã chết) và bà Lương Thị Xén K; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến nay; hiện đang tạm giam; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Hùng; trợ giúp viên pháp lý, công tác tại trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lộc Văn D; sinh năm 1972; nơi cư trú: K 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Lương Văn P; sinh năm 1980; nơi cư trú: Bản X, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người làm chứng: Vi Văn K; sinh năm 1983; nơi cư trú: bản P, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 21/4/2022, Lương Văn B, sinh năm 1985, trú tại Bản X, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An đang ở phòng trọ của mình tại khu vực K 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An thì có Lương Văn X, trú tại bản P, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An đến chơi. Ngồi chơi được một lúc B hỏi X "Có ma túy bán không? Bán cho mấy viên hút với", X trả lời "Có". Sau đó, B lấy trong người ra số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn) đưa cho X để mua ma túy, X cầm tiền và đưa lại cho B 06 (Sáu) viên ma túy trong đó có 01 (Một) viên ma túy màu xanh và 05 (Năm) viên ma túy màu hồng. Mua được ma túy, B cất giấu vào trong người nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Vào các ngày 26 và 27/4/2002, B đã bán ma túy 02 (hai) lần cho Lộc Văn D, sinh năm 1972, trú tại K 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 26/4/2002, B đưa 01 (Một) viên ma túy màu hồng cho anh trai của mình là Lương Văn P, sinh năm 1980, trú tại Bản X, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An tại phòng trọ của mình rồi nói khi nào có người đến mua thì bán, P đồng ý. Trưa cùng ngày, B đi học về thì P đưa cho B 15.000 đồng (Mười lăm nghìn) và nói là tiền bán ma túy cho D.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 27/4/2002, B, P và Vi Văn K, sinh năm 1983, trú tại bản P, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An đang ở trọ phòng trọ của mình thì D đến hỏi B để mua ma túy, B đã bán cho D 01 (Một) viên ma túy màu hồng với giá tiền là 20.000 đồng (Hai mươi nghìn). Khi D ra về thì bị tổ công tác Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát hiện bắt quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thấy vậy, B đã vất toàn bộ số ma túy còn lại cho P rồi bỏ trốn theo phía cửa sau của phòng trọ về nhà. Một tuần sau, B trốn sang nước CHDCND Lào sinh sống đến ngày 16/11/2022 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong lại vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 02/5/2002 đã xác định: 04 (Bốn) viên nén màu đỏ (Nghi là ma túy) thu giữ của Lương Văn B sau khi loại bỏ bao bì có tổng khối lượng là 0,05 gam (Không phẩy không năm).

Để có cơ sở kết luận, Hội đồng đã lấy toàn bộ số viên nén (nghi là ma túy) thu giữ của Lương Văn B niêm phong gửi giám định.

Kết luận giám định số 491/PC21 ngày 23/5/2002 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An đã kết luận: Các viên nén mà Công an huyện Kỳ Sơn thu giữ của Lương Văn B gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine).

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, Lương Văn B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mục đích tàng trữ số ma túy trên là để bán kiếm lời.

Về vật chứng của vụ án: Số ma túy (Methamphetamine) là vật chứng của vụ án Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An đã sử dụng để giám định hết.

Cáo trạng số: 15/CT-VKS-KS ngày 10/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn đã truy tố bị cáo Lương Văn B về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lương Văn B mức án từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù; về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; về xử lý vật chứng: Vật chứng đã sử dụng để giám định hết nên không xử lý; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà đại diện Viện Kiểm Sát đã đề nghị, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn B đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Lương Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai

nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 27/4/2002 tại khu vực K 4, thị trấn M, huyện K, Lương Văn B có hành vi tàng trữ 05 (năm) viên ma túy (Methamphetamine) có tổng khối lượng là 0,05 gam (Không phẩy không năm) nhằm mục đích bán để kiếm lời. Trong các ngày 26 và 27/4/2022, Lương Văn B đã bán ma túy 02 (hai) lần cho Lộc Văn D tại phòng trọ của mình. Hành vi đó của bị cáo Lương Văn B đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện. Khi phạm tội bị cáo cũng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm vì ma túy gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế xã hội cũng như sức khỏe của con người và là mầm mống làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để mua bán, tàng trữ trái phép làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi bị phát hiện bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý vụ án. Vì vậy, hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh, cần tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới đủ điều kiện để vừa tiếp tục cải tạo, giáo dục riêng bị cáo vừa răn đe phòng ngừa chung. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo mới 16 tuổi 11 tháng 17 ngày, nên cần áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng cho bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Văn B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xét thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Vụ án có đồng phạm giản đơn, trong vụ án này có Lương Văn P là người đã bán ma túy giúp Lương Văn B, là người giúp sức, có vai trò giúp bị cáo Lương Văn B bán ma túy, tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại vụ án đã xảy ra hơn 20 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Văn P nên không xem xét về trách nhiệm hình sự của Lương Văn P.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Các đối tượng liên quan:

Đối với Lương Văn X là người bán ma túy cho Lương Văn B, quá trình điều tra xác định Lương Văn X đã chết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với Lộc Văn D là người đã mua ma túy của Lương Văn B, quá trình điều tra xác định hành vi của Lộc Văn D không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An đã trả tự do cho Lộc Văn D.

Đối với Lương Văn P là người bán ma túy giúp Lương Văn B, quá trình điều tra xác định hành vi của Lương Văn P có dấu hiệu phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng tính đến thời điểm hiện tại vụ án đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Văn P.

Đối với Vi Văn K, quá trình điều tra xác định Khuân chỉ là người chứng kiến hành vi phạm tội của Lương Văn B nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An không xem xét trách nhiệm hình sự.

[7] Về vật chứng vụ án: Số ma túy (Methamphetamine) đã sử dụng giám định hết nên không xử lý.

Đối với số tiền 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn) mà Lương Văn B đã bán ma túy cho Lộc Văn D, đây là số tiền thu lợi bất chính, do phạm tội mà có nên cần phải truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lương Văn B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lương Văn B **05 (Năm)** năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 16/11/2022).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Vật chứng là ma túy (Methamphetamine) đã được sử dụng để giám định hết nên không xử lý.

Truy thu của bị cáo Lương Văn B số tiền 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn) do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lương Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2023)./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên